

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Liên
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: 730/49/15 đường Q, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Ông Lưu Huy H – sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: 730/49/15 đường Q, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 21/02/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà và ông Lưu Huy H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007, quá trình chung sống không hạnh phúc thường xuyên cãi vã, ông H hay ghen tuông, nói những câu tục tĩu khó nghe, không tin tưởng cho rằng bà có người khác. Trong cuộc sống hàng ngày bà là người lo liệu hết nên rất

một mỗi, hơn hai năm nay mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân không còn quan hệ, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 2 con chung là Lưu Nguyễn Thanh N – sinh ngày 15/12/2007 và Lưu Nguyễn Như Y – sinh ngày 17/7/2014. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 2 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Bị đơn – ông Lưu Huy H trình bày:* Ông xác nhận phần trình bày của bà T về thời gian kết hôn, chung sống. Kết hôn mười mấy năm ông thấy vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, vợ chồng không đánh nhau, bà T muốn làm gì ông không ngăn cản, có lần còn đi từ đêm đến sáng mới về ông có hỏi thì nói là qua nhà em ở, bà T yêu cầu ông đưa lại bản chính giấy kết hôn để ly hôn nói để cho người khác lo cho con. Vì ghen tuông, thương vợ thương con quá nên ông còn uống thuốc tự vẫn nhưng được mọi người cứu kịp thời nên còn sống, đúng là vợ chồng đã ly thân từ 2 năm nay nhưng ông còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 2 con chung là Lưu Nguyễn Thanh N – sinh ngày 15/12/2007 và Lưu Nguyễn Như Y – sinh ngày 17/7/2014. Ông không đồng ý ly hôn để vợ chồng cùng nhau lo cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Tại phiên tòa:*

*Nguyên đơn – bà T trình bày:* Thời gian chung sống ông H thường xuyên ghen tuông, có những lời nói thô tục gây áp lực rất lớn đối với bà, bà không thể chịu đựng được nên yêu cầu được ly hôn. Quan hệ giữa bà và ông L là quan hệ làm ăn, do quen biết hơn 10 năm nên bà có tâm sự với ông T về việc ông H nói sẽ tạt axit bà và ông T nên ông T có thuê khách sạn cho bà và con gái ở qua đêm rồi về không phải quan hệ trai gái như ông H trình bày. Bà bán cà phê thu nhập cũng ổn nên yêu cầu được nuôi hai con chung không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có.

*Bị đơn – ông H trình bày:* Từ trước đến nay vợ chồng không có mâu thuẫn gì, gần đây cứ 2-3 ngày bà T lại dẫn con đi đến sáng mới về, do nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với anh L cùng với việc con gái nhỏ có kể cho ông biết việc bà T và anh L thuê khách sạn ngủ chung nên ông có ghen tuông, có nói những lời khó nghe với bà T. Hàng ngày ông là người đưa đón con đi học, ông còn thương bà T,

muốn vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho con nên ông không đồng ý ly hôn, ông hứa sẽ không ghen tuông nữa. Ông và bà T không có tài sản chung, nợ chung.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H do ông H có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà T, Bị đơn – ông H có mặt.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 130; Quyền số: 01 do UBND xã R, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/9/2007 thì hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông H do ông H hay ghen tuông, nói những lời khó nghe. Ông H không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho con và hứa sẽ không ghen tuông nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống giữa bà T, ông H cũng có mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên thiếu tin tưởng nhau hay có những cư xử thiếu chừng mực. Tại phiên Tòa ông H nhận thấy được thiếu sót của bản thân, tha thiết có cơ hội thay đổi bản thân để cùng bà T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T, ông H chưa tới mức lâm vào tình trạng trầm trọng,

vẫn có khả năng hòa giải, khắc phục và hàn gắn cuộc sống hôn nhân nếu có thời gian để vợ chồng quan tâm, tin tưởng nhau hơn. Ngoài ra con chung của bà T, ông H đang trong độ tuổi vị thành niên (một cháu 13 tuổi, một cháu 6 tuổi), độ tuổi rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách sau này nên đây là giai đoạn hai cháu rất cần sự quan tâm, chăm sóc từ cả cha và mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[5] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8,9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thúy.

a. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn với ông Lưu Huy H.

b. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị T chịu, được cản trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0016031 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Lưu Huy H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai Hương**